

QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

Đỗ Huyền Trang^{1*}

¹*Học viện Chính trị khu vực I*

** Email: huyentrangllct@gmail.com*

Ngày nhận bài: 02/12/2024

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 23/12/2024

Ngày chấp nhận đăng: 30/12/2024

TÓM TẮT

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (cách mạng công nghiệp 4.0) với nền tảng công nghệ là dữ liệu lớn, điện toán đám mây và kết nối Internet toàn diện đang trở thành mối quan tâm của nhiều quốc gia trên thế giới. Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế này và đòi hỏi cần phải có các chính sách, biện pháp tích cực để có thể tận dụng các lợi thế nhằm phát triển công nghiệp trong nước, hạn chế tác động tiêu cực mà cuộc cách mạng công nghiệp này có thể mang lại. Bài viết khái quát quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam qua các kì Đại hội, những tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và định hướng phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: *Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, giải pháp, kinh tế thị trường, tác động.*

THE PERSPECTIVE OF THE COMMUNIST PARTY OF VIETNAM ON THE DEVELOPMENT OF A SOCIALIST-ORIENTED MARKET ECONOMY IN THE CONTEXT OF THE FOURTH INDUSTRIAL REVOLUTION

ABSTRACT

The Fourth Industrial Revolution (Industry 4.0), with foundational technologies such as big data, cloud computing, and comprehensive internet connectivity, has become a focal concern for many nations worldwide. In the context of deepening international economic integration, Vietnam's socialist-oriented market economy is no exception to this trend and necessitates proactive policies and measures to leverage the advantages to develop domestic industry while mitigating the potential negative impacts of this revolution. This article outlines the Communist Party of Vietnam's perspective on the socialist-oriented market economy in Vietnam through the Party Congresses, the impacts of the 4.0 Industrial Revolution, and the strategic directions for the development of Vietnam's socialist-oriented market economy in the current context.

Keywords: *Fourth Industrial Revolution, impact, market economy, solution.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN) là một mô hình kinh tế đặc thù mà Đảng Cộng sản Việt Nam lựa chọn và kiên định xây dựng trong suốt quá trình đổi mới. Mô hình này vừa kế thừa những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về kinh tế, vừa vận dụng linh hoạt các yếu tố thị trường để thúc đẩy phát triển kinh tế, đảm bảo công bằng xã hội và nâng cao đời sống nhân dân. Trải qua gần bốn thập kỷ đổi mới, kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế.

Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0) đang diễn ra mạnh mẽ, Việt Nam đối diện với nhiều cơ hội và thách thức mới trong việc phát triển kinh tế thị trường. Sự xuất hiện của các công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big data) và tự động hóa không chỉ tạo ra những đột phá về năng suất lao động, mà còn đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc đổi mới cơ chế, chính sách quản lý kinh tế. Đồng thời, việc dung hòa giữa các nguyên tắc của kinh tế thị trường và các giá trị cốt lõi của định hướng XHCN trở thành vấn đề cấp bách cần giải quyết.

Trong bối cảnh đó, bài viết tập trung phân tích quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về kinh tế thị trường định hướng XHCN, đánh giá những thành tựu cũng như hạn chế trong thực tiễn triển khai; từ đó, đề xuất các khuyến nghị nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường bền vững, phù hợp với xu thế CMCN 4.0, bảo đảm thực hiện tốt các mục tiêu XHCN.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để nghiên cứu quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về kinh tế thị trường định hướng XHCN và định hướng phát triển kinh tế thị trường trong bối cảnh CMCN 4.0, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau đây: Kết hợp lý luận và thực tiễn để tiến hành phân tích, so sánh, tổng hợp trên cơ sở hệ thống tài liệu thứ cấp được sử dụng để triển khai bài viết. Thông tin và dữ liệu được thu

thập từ các tài liệu, báo cáo, công trình nghiên cứu khoa học, các văn bản chính sách của Nhà nước, nghị quyết của Đảng, chiến lược quốc gia về CMCN 4.0 và các nghiên cứu về tác động kinh tế – xã hội.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Quan điểm của Đảng Cộng sản về kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam

Thuật ngữ kinh tế thị trường định hướng XHCN được khẳng định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng. Đó là kết quả của quá trình 15 năm đổi mới tư duy và thực tiễn ở nước ta, được đúc kết lại trên cơ sở đánh giá và rút ra các bài học lớn qua các kỳ Đại hội Đảng. Tại Đại hội này, Đảng ta đã xác định: “phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN; đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001).

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng cũng đã làm rõ nội hàm, mục tiêu của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam: “Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Đây là một hình thái kinh tế thị trường vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011). Trên cơ sở đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng nhấn mạnh: “Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của nền kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng XHCN phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016).

Từ nhận thức lí luận như vậy, cũng trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta đã khẳng định nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam “có quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật; thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực của Nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường. Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế – xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016). Tiếp tục làm rõ hơn, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nêu cụ thể: “Kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật thị trường, có sự quản lí của Nhà nước pháp quyền XHCN do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng XHCN vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021).

Như vậy, xét về bản chất, nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam là một kiểu hình kinh tế thị trường vừa tuân theo các quy luật chung của nền kinh tế thị trường, vừa hàm chứa những giá trị XHCN trong vận hành, quản lí cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh với các nội dung cơ bản sau:

Về mục tiêu: Phát triển nền kinh tế nhằm đạt mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đây là nền kinh tế hiện đại, hội nhập quốc tế, bảo đảm tiên bộ và công bằng xã hội trong từng bước phát triển.

Về đối tượng sở hữu: Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN tồn tại nhiều hình thức sở hữu và thành phần kinh tế, bao gồm: sở hữu nhà nước, tập thể, tư nhân và vốn đầu tư nước ngoài. Trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân được coi là động lực quan trọng.

Về cơ cấu kinh tế: Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại, đa dạng và bền vững, trong đó các thành phần kinh tế hợp tác, cạnh tranh bình đẳng theo pháp luật, nhằm khai thác hiệu quả mọi nguồn lực xã hội.

Về phân phối: Thực hiện phân phối theo lao động, hiệu quả kinh tế và đóng góp vốn, kết hợp với phân phối qua phúc lợi xã hội, bảo đảm công bằng và an sinh xã hội.

Về cơ chế vận hành: Kinh tế thị trường định hướng XHCN vận hành theo các quy luật thị trường, đồng thời có sự quản lí của Nhà nước pháp quyền XHCN, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Nhà nước đóng vai trò định hướng, điều tiết và tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, minh bạch.

3.2. Tác động tích cực của cuộc CMCN 4.0 tới nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam

Cuộc CMCN 4.0 không chỉ tạo ra những thay đổi về công nghệ mà còn ảnh hưởng sâu rộng đến các khía cạnh kinh tế, xã hội và quản lí. Đối với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN của Việt Nam, CMCN 4.0 vừa mang lại những cơ hội to lớn để thúc đẩy tăng trưởng, vừa đặt ra nhiều thách thức, đòi hỏi sự thích ứng về thể chế, chính sách và quản trị.

3.2.1. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và năng lực cạnh tranh

Một là, *ứng dụng công nghệ nâng cao năng suất lao động*: CMCN 4.0 mang đến những công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big data), giúp doanh nghiệp tối ưu hóa quy trình

sản xuất và quản lý. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, việc ứng dụng công nghệ giúp các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, giảm chi phí sản xuất, cải thiện chất lượng sản phẩm, từ đó mở rộng thị trường và tăng trưởng bền vững.

AI trong sản xuất: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý dây chuyền sản xuất cho phép tự động hóa các công đoạn phức tạp, giảm thiểu lỗi do con người, đồng thời nâng cao năng suất lao động. Ví dụ, các nhà máy thông minh sử dụng AI để phân tích dữ liệu thời gian thực, dự báo tình trạng máy móc và giảm thời gian ngừng hoạt động.

Internet vạn vật và dữ liệu lớn trong quản lý: IoT kết nối các thiết bị trong mạng lưới sản xuất, giúp theo dõi và điều chỉnh hoạt động một cách linh hoạt. Cùng với đó, các doanh nghiệp có thể sử dụng dữ liệu lớn để phân tích hành vi khách hàng, dự đoán xu hướng tiêu dùng và cải tiến chiến lược kinh doanh.

Hai là, phát triển các ngành kinh tế mới: CMCN 4.0 tạo điều kiện phát triển các lĩnh vực kinh tế mới, có giá trị gia tăng cao, thúc đẩy sự chuyển đổi của nền kinh tế Việt Nam. Cụ thể như:

Thương mại điện tử (E-commerce): Các nền tảng thương mại điện tử như Shopee, Lazada và Tiki đang phát triển mạnh mẽ, tạo ra nhiều cơ hội kinh doanh cho doanh nghiệp và cá nhân. Doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể dễ dàng tiếp cận khách hàng trên toàn quốc và quốc tế thông qua các nền tảng này.

Công nghệ tài chính (Fintech): Các ứng dụng thanh toán trực tuyến, ví điện tử như MoMo, ZaloPay, hoặc blockchain trong giao dịch tài chính giúp giảm chi phí và tăng hiệu quả, đồng thời cải thiện khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính của người dân.

Dịch vụ số: Các ngành dịch vụ như giáo dục trực tuyến, chăm sóc sức khỏe từ xa (telemedicine) và các giải pháp phần mềm đám mây đã và đang trở thành những lĩnh vực tăng trưởng nhanh, góp phần thúc đẩy nền kinh tế số ở Việt Nam.

3.2.2. Tăng cường minh bạch và hiệu quả quản lý nhà nước

Một là, ứng dụng công nghệ trong quản lý: Các công nghệ dữ liệu lớn, blockchain và trí tuệ nhân tạo đã cải thiện đáng kể hiệu quả và tính minh bạch trong quản lý kinh tế. Dữ liệu lớn và quản trị thông minh giúp hỗ trợ các cơ quan quản lý thu thập và phân tích thông tin từ nhiều nguồn, từ đó đưa ra các chính sách kinh tế phù hợp hơn. Ví dụ, phân tích dữ liệu tiêu dùng giúp điều chỉnh chính sách thuế và hỗ trợ doanh nghiệp hiệu quả hơn. Còn Blockchain và minh bạch thông tin cho phép lưu trữ dữ liệu theo cách không thể thay đổi và có thể kiểm tra, giúp giảm tham nhũng và gian lận trong các hoạt động kinh tế và hành chính.

Hai là, cải cách hành chính: Chuyển đổi số trong quản lý hành chính công đã giúp đơn giản hóa quy trình, tiết kiệm chi phí và thời gian cho người dân và doanh nghiệp. Chính phủ điện tử cùng nhiều dịch vụ công trực tuyến đã được triển khai, từ đăng ký kinh doanh đến nộp thuế, đã giúp giảm thiểu sự phức tạp và tạo thuận lợi cho các hoạt động kinh tế. Cùng với đó, công nghệ tự động hóa giúp các cơ quan Nhà nước xử lý khối lượng lớn công việc một cách nhanh chóng hơn, nâng cao chất lượng dịch vụ công, tăng đáng kể hiệu quả làm việc.

3.2.3. Giảm khoảng cách địa lý và thúc đẩy hội nhập kinh tế

Một là, công nghệ thông tin và viễn thông kết nối các khu vực xa xôi: CMCN 4.0 giúp xóa nhòa khoảng cách địa lý, tạo điều kiện để các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa tiếp cận với các cơ hội kinh tế. Đặc biệt, công nghệ IoT và các nền tảng số cho phép các doanh nghiệp ở vùng sâu, vùng xa tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu, giảm thiểu sự bất lợi về khoảng cách và hạ tầng truyền thông. Các công cụ số cũng giúp các tỉnh miền núi, nông thôn quảng bá sản phẩm đặc sản (như cà phê, chè, trái cây...) tới thị trường quốc tế thông qua các nền tảng thương mại điện tử.

Hai là, phù hợp với định hướng phát triển cân bằng và toàn diện: Mục tiêu của kinh tế

thị trường định hướng XHCN là đảm bảo phát triển đồng đều giữa các vùng miền và cải thiện đời sống người dân. Việc ứng dụng công nghệ giúp giảm sự chênh lệch giữa đô thị và nông thôn, hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ lẻ hoặc hợp tác xã nông nghiệp tại các vùng xa tiếp cận được vốn, thị trường và công nghệ, từ đó góp phần vào sự phát triển bền vững.

3.3. Thách thức đối với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam trước tác động của cuộc CMCN 4.0

Mặc dù mang lại nhiều cơ hội, CMCN 4.0 cũng đặt ra các thách thức lớn đối với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN của Việt Nam. Những thách thức này không chỉ làm gia tăng bất bình đẳng xã hội, ảnh hưởng đến việc làm và cơ cấu lao động, mà còn gây áp lực lớn lên hệ thống quản lý nhà nước.

3.3.1. Tác động đến việc làm và cơ cấu lao động

Một là, nguy cơ mất việc làm: Tự động hóa, trí tuệ nhân tạo và robot đang thay thế lao động con người trong nhiều ngành công nghiệp, đặc biệt là các ngành sản xuất truyền thống và công việc lặp đi lặp lại. Các dây chuyền sản xuất tự động sử dụng robot đang làm giảm đáng kể nhu cầu về lao động phổ thông. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động không có trình độ cao, khiến họ có nguy cơ mất việc làm. Đối với dịch vụ và bán lẻ, các công nghệ như chatbot, thanh toán tự động và robot phục vụ đang dần thay thế lao động trong các ngành dịch vụ, dẫn đến sự chuyển dịch lao động khỏi các ngành này.

Hai là, yêu cầu về kỹ năng mới: CMCN 4.0 tạo ra nhu cầu lớn về các kỹ năng lao động mới, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ thông tin, quản lý dữ liệu và kỹ năng số. Tuy nhiên, hệ thống giáo dục và đào tạo nghề tại Việt Nam chưa đáp ứng kịp thời. Trong đó đặc biệt là vấn đề thiếu đào tạo kỹ năng số, hệ thống giáo dục phổ thông và đại học tại Việt Nam vẫn nặng về lý thuyết, chưa chú trọng đào tạo kỹ năng thực tiễn liên quan đến công nghệ mới. Lực lượng lao động trung niên, vốn quen thuộc với các công nghệ và kỹ thuật truyền thống, cần được đào tạo lại để thích nghi với yêu cầu của công nghệ 4.0. Tuy

nhiên, quá trình này đòi hỏi chi phí cao và sự hỗ trợ lớn từ phía Nhà nước cũng như doanh nghiệp. Sự không đồng bộ giữa cung và cầu lao động dẫn đến nguy cơ thất nghiệp gia tăng, đồng thời tạo ra áp lực lớn đối với an sinh xã hội.

3.3.2. Sức ép đối với hệ thống thể chế và quản lý

CMCN 4.0 thay đổi nhanh chóng, đòi hỏi các cơ quan quản lý phải điều chỉnh kịp thời về mặt thể chế và chính sách. Một số yếu tố cần phải thay đổi như:

Một là, hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam chưa đủ linh hoạt để điều chỉnh các vấn đề mới nảy sinh từ công nghệ như quyền sở hữu trí tuệ, quản lý dữ liệu, hay hoạt động kinh doanh trên nền tảng số.

Hai là, nhiều chính sách hiện nay còn mang tính ngắn hạn và thiếu tính chiến lược dài hạn, chưa đủ để điều tiết các tác động của CMCN 4.0 đến nền kinh tế và xã hội.

Ba là, sự phát triển của công nghệ đi kèm với nhiều rủi ro mới, đòi hỏi Nhà nước và doanh nghiệp phải có biện pháp quản lý hiệu quả.

Bốn là, sự gia tăng của các hoạt động trên không gian số kéo theo nguy cơ về tội phạm mạng, tấn công mạng và rò rỉ dữ liệu cá nhân. Điều này đòi hỏi Việt Nam phải đầu tư mạnh mẽ vào an ninh mạng và xây dựng các khung pháp lý phù hợp.

Năm là, dữ liệu lớn là nền tảng của nền kinh tế số, nhưng nếu không được quản lý tốt, các vấn đề về quyền riêng tư và bảo mật thông tin có thể làm giảm lòng tin của người dân và doanh nghiệp.

3.3.3. Gia tăng bất bình đẳng xã hội

CMCN 4.0 đã tạo ra một khoảng cách rõ rệt giữa các nhóm dân cư và doanh nghiệp trong việc tiếp cận và sử dụng công nghệ mới.

Đối với các doanh nghiệp: Các doanh nghiệp lớn, với nguồn lực tài chính và khả năng đầu tư cao, dễ dàng áp dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất và quản lý, từ đó tăng cường năng lực cạnh tranh. Ngược lại, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt ở vùng

nông thôn, thường gặp khó khăn trong việc tiếp cận công nghệ do hạn chế về tài chính, kỹ thuật và nhân sự. Điều này làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo giữa các loại hình doanh nghiệp.

Đối với người dân: Không phải mọi nhóm dân cư đều có khả năng tiếp cận các dịch vụ công nghệ số. Ở các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, người dân có thể gặp khó khăn trong việc truy cập internet hoặc sở hữu thiết bị công nghệ. Điều này dẫn đến sự chênh lệch trong cơ hội học tập, việc làm và tiếp cận thông tin, thách thức tính công bằng của mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN. Kết quả của sự phân hóa này là bất bình đẳng xã hội gia tăng, cùng với đó là nguy cơ làm suy giảm các nguyên tắc công bằng và đoàn kết xã hội vốn là nền tảng của mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Tóm lại, cuộc CMCN 4.0 mang lại những tác động sâu rộng đến nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. Về mặt tích cực, CMCN 4.0 thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh thông qua ứng dụng các công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo, IoT, blockchain... Đồng thời, nó mở ra cơ hội phát triển các ngành kinh tế số, tăng cường hội nhập quốc tế và cải thiện chất lượng cuộc sống thông qua các dịch vụ công nghệ tiên tiến. Tuy nhiên, CMCN 4.0 cũng đặt ra những thách thức lớn. Chênh lệch trong tiếp cận công nghệ có nguy cơ làm gia tăng bất bình đẳng xã hội. Tự động hóa có thể khiến nhiều lao động phổ thông mất việc làm, trong khi cơ sở hạ tầng và thể chế kinh tế chưa hoàn thiện dễ dẫn đến sự phụ thuộc vào công nghệ nước ngoài.

Trước bối cảnh này, việc đề ra phương hướng phù hợp là cần thiết để bảo đảm kinh tế thị trường vận hành theo định hướng XHCN. Đảng và Nhà nước cần hoàn thiện thể chế kinh tế, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đầu tư hạ tầng công nghệ số và phát huy vai trò điều tiết nhằm bảo đảm tăng trưởng bền vững, công bằng và hiện đại hóa kinh tế trong kỷ nguyên số.

3.4. Phương hướng phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN trong bối cảnh CMCN 4.0

3.4.1. Đổi mới thể chế và chính sách

Một là, CMCN 4.0 tạo ra nhiều vấn đề pháp lý mới, từ sở hữu trí tuệ trong công nghệ, dữ liệu số, đến quản lý các nền tảng kinh tế số, Việt Nam cần phải cập nhật và cải tiến các quy định pháp lý để bắt kịp sự phát triển này, bảo vệ quyền lợi của cá nhân và tổ chức, đồng thời thúc đẩy sự đổi mới và phát triển bền vững. Chính phủ cần xây dựng khung pháp lý linh hoạt và đồng bộ để hỗ trợ doanh nghiệp và cá nhân đổi mới sáng tạo. Các chính sách ưu đãi về thuế, vốn và đầu tư công nghệ nên được áp dụng để thúc đẩy các doanh nghiệp áp dụng công nghệ tiên tiến. Cùng với việc khuyến khích đổi mới, cần thiết lập các cơ chế giám sát để kiểm soát tác động tiêu cực từ công nghệ như gian lận dữ liệu, lạm dụng AI hoặc rủi ro an ninh mạng.

Hai là, CMCN 4.0 đòi hỏi một chính phủ linh hoạt, hiện đại và tận dụng tối đa công nghệ trong quản lý và điều hành. Cần phải đẩy mạnh triển khai các nền tảng số trong dịch vụ công, giúp nâng cao hiệu quả quản lý và giảm chi phí hành chính. Ví dụ, các dịch vụ như nộp thuế, đăng ký kinh doanh hay cấp phép xây dựng cần được thực hiện trực tuyến hoàn toàn. Quy trình hành chính cần được đơn giản hóa, kết hợp với việc sử dụng công nghệ để giảm thủ tục rườm rà, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân.

3.4.2. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi để tận dụng cơ hội từ CMCN 4.0. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong CMCN 4.0 là một yếu tố quan trọng để các quốc gia và doanh nghiệp có thể cạnh tranh và phát triển bền vững trong kỷ nguyên số. Dưới đây là các chiến lược chính để phát triển nguồn nhân lực trong thời đại 4.0:

Một là, xây dựng chương trình học tập trung vào các kỹ năng số (digital skills), kỹ năng mềm (soft skills) và tư duy sáng tạo (creative thinking). Đồng thời, tăng cường giảng dạy các môn khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM). Mở rộng hợp tác với các tổ chức giáo dục quốc tế để cập nhật

kiến thức và phương pháp giáo dục tiên tiến, đồng thời hỗ trợ sinh viên tiếp cận với các công nghệ mới.

Hai là, đào tạo, nâng cấp kỹ năng của lực lượng lao động để thích nghi với thay đổi công nghệ. Chính phủ cần phối hợp với doanh nghiệp để tổ chức các khóa đào tạo lại (reskilling) và nâng cấp kỹ năng (upskilling) cho người lao động. Các chương trình đào tạo nên được hỗ trợ bởi các chính sách ưu đãi về chi phí hoặc vay vốn, đặc biệt cho những lao động trung niên hoặc lao động có nguy cơ mất việc do tự động hóa.

3.4.3. Thúc đẩy chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo

Doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa cần được hỗ trợ để tham gia vào quá trình chuyển đổi số. Một số hỗ trợ có thể kể đến như: ưu đãi tài chính, áp dụng các chính sách như vay vốn ưu đãi, giảm thuế hoặc trợ cấp để khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư vào công nghệ số; chuyển giao công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận các công nghệ tiên tiến thông qua các chương trình hợp tác với doanh nghiệp lớn, viện nghiên cứu hoặc các đối tác quốc tế. Xác định đầu tư vào hạ tầng số, hạ tầng công nghệ là yếu tố quyết định để phát triển kinh tế số trong bối cảnh CMCN 4.0; từ đó đẩy mạnh phát triển mạng 5G để đáp ứng nhu cầu kết nối tốc độ cao trong các ngành công nghiệp và dịch vụ, xây dựng các trung tâm dữ liệu (data centers) hiện đại, bảo mật và có khả năng xử lý khối lượng lớn dữ liệu từ các ứng dụng công nghệ. Phát triển các nền tảng số quốc gia như: hệ thống thanh toán trực tuyến, thương mại điện tử và các ứng dụng công nghệ trong quản lý hành chính công.

3.4.4. Đảm bảo sự công bằng và phát triển bền vững

Triển khai các chương trình hỗ trợ nhằm đưa công nghệ đến với các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, giúp người dân và doanh nghiệp tại đây tận dụng được cơ hội từ CMCN 4.0. Tăng cường các chính sách bảo trợ xã hội, đảm bảo quyền lợi cho người lao động bị ảnh hưởng bởi tự động hóa và sự thay đổi cơ cấu lao động. Nhà nước cần giữ vai trò

trung tâm trong việc điều tiết và định hướng thị trường để đảm bảo các giá trị cốt lõi của định hướng XHCN. Xây dựng các cơ chế điều tiết để cân bằng giữa lợi ích kinh tế và xã hội, ngăn chặn sự phân hóa giàu nghèo quá mức. Tăng cường hỗ trợ các nhóm yếu thế như người lao động phổ thông, người dân vùng khó khăn, nhằm đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển kinh tế.

4. KẾT LUẬN

Cuộc CMCN 4.0 với đặc trưng là sự kết nối chặt chẽ giữa không gian thực và không gian số, đang diễn ra với tốc độ nhanh chóng, làm thay đổi bối cảnh toàn cầu và có tác động ngày một gia tăng đến nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam theo cả hai chiều hướng thuận lợi và đặt ra những thách thức như: thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và năng lực cạnh tranh, làm thay đổi mô hình tăng trưởng, tạo ra những thay đổi lớn ở các ngành công nghiệp sản xuất chủ lực của đất nước; tạo ra nhiều việc làm mới, thị trường mới, làm xuất hiện các mô hình sản xuất kinh doanh mới và nhiều loại hình hoạt động thương mại mới; tăng cường minh bạch và hiệu quả quản lý nhà nước... Để tận dụng tối đa lợi ích và vượt qua thách thức, Việt Nam cần có các chính sách toàn diện, tập trung vào đổi mới thể chế, phát triển nguồn nhân lực, thúc đẩy chuyển đổi số và đảm bảo công bằng xã hội. Những giải pháp này không chỉ giúp tăng trưởng kinh tế mà còn duy trì các giá trị cốt lõi của định hướng XHCN, hướng đến sự phát triển bền vững và toàn diện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2001). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (tập một)*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.